

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ
trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước, giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Công văn số 6828/VPCP-KSTT ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn triển khai hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 1384/TTr-VPUBND ngày 28 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu được giao theo đúng Kế hoạch.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch và tổng hợp những vướng mắc, khó khăn của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị

có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- CVP, PCVP. UBND tỉnh;
- TTPVHCC, P. HC-TC;
- Lưu: VT, 1.12.06.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Liệt

KẾ HOẠCH

Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi thống kê, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) nội bộ

a) TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

b) TTHC nội bộ trong tỉnh (gồm: TTHC giữa các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong tỉnh; TTHC giữa các sở, ban, ngành và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh) do Ủy ban nhân dân/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền.

- Các TTHC không thuộc phạm vi của Kế hoạch: TTHC thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC; thủ tục xử lý vi phạm hành chính, thủ tục thanh tra và TTHC có nội dung bí mật nhà nước.

- Chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước không thuộc phạm vi của Kế hoạch này.

2. Đối tượng thực hiện thống kê, rà soát, đơn giản hóa

Thống kê, rà soát, phê duyệt và thực thi phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ trong tỉnh (gồm: TTHC giữa các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong tỉnh; TTHC giữa các sở, ban, ngành và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh) do Ủy ban nhân dân/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền, cụ thể:

- Sở, ban, ngành tỉnh thực hiện thống kê, rà soát, đơn giản hóa đối với TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong tỉnh (TTHC giữa sở, ban, ngành tỉnh với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã) thuộc phạm vi quản lý của ngành, đơn vị mình.

- Đối với TTHC nội bộ giữa các sở, ban, ngành và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (gọi chung là sở, ban, ngành tỉnh) do sở, ban, ngành nào là đơn vị chủ trì thì chịu trách nhiệm thực hiện thống kê, rà soát, đơn giản hóa TTHC.

II. MỤC TIÊU

1. Về thống kê, công bố, công khai

Trước ngày 01/4/2023, 100% TTHC nội bộ được thống kê, công bố (lần đầu) và công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

2. Về rà soát, phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa

Trước ngày 01/01/2025, 100% TTHC nội bộ trong tỉnh được rà soát, đơn giản hóa, bảo đảm đạt tỷ lệ cắt giảm ít nhất 20% TTHC và 20% chi phí tuân thủ TTHC. Trong đó:

- Trước ngày 15/10/2023: các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố rà soát 12 lĩnh vực trọng tâm theo phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án đơn giản hóa.

- Trước ngày 01/01/2024: các sở, ban, ngành trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án đơn giản hóa đối với ít nhất 50% TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý.

- Trước ngày 01/01/2025: các sở, ban, ngành trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án đơn giản hóa đối với 100% TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý.

III. YÊU CẦU

1. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là các cơ quan, đơn vị, địa phương) xác định rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ là một trong những nhiệm vụ cải cách TTHC trọng tâm. Kết quả triển khai Kế hoạch này là một trong các căn cứ để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong giai đoạn 2022 - 2025.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, thống nhất, khoa học các công việc cụ thể được giao tại Kế hoạch, bảo đảm tiến độ, chất lượng và mục tiêu đề ra.

3. Tiêu chí, cách thức, quy trình thống kê, công bố, công khai, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong tỉnh và TTHC nội bộ giữa các sở, ban, ngành tỉnh thực hiện thống nhất theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động tổ chức triển khai Kế hoạch, phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan trong quá trình thực hiện.

IV. NỘI DUNG NHIỆM VỤ

1. Ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ giai đoạn 2022 - 2025 của các cơ quan, đơn vị, địa phương

- Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện,

thị xã, thành phố.

- Thời hạn hoàn thành: trước ngày 30/11/2022.

- Sản phẩm: Kế hoạch của các cơ quan, đơn vị, địa phương được ban hành.

2. Thống kê, công bố, công khai TTHC nội bộ

a) Cơ quan chủ trì: các sở, ban, ngành tỉnh thống kê, trình công bố TTHC nội bộ theo phạm vi tại Mục I và đảm bảo thời gian tại Mục II Kế hoạch này.

b) Cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và UBND cấp huyện; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với TTHC nội bộ giữa các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương).

c) Thời hạn hoàn thành: trước ngày 01/4/2023.

d) Sản phẩm:

- Quyết định công bố TTHC nội bộ (lần đầu) thuộc phạm vi quản lý của các sở, ban, ngành tỉnh.

- TTHC nội bộ đã công bố được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

Nội dung chi tiết tại Mục I của Phụ lục 2 Kế hoạch này.

3. Phối hợp tổ chức rà soát, phê duyệt, thực thi phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên các lĩnh vực trọng tâm ưu tiên

a) Danh mục TTHC/nhóm TTHC trên các lĩnh vực trọng tâm ưu tiên rà soát, đơn giản hóa, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp: tại Phụ lục 1 kèm theo Kế hoạch này.

b) Quy trình, cách thức, tiêu chí, thời hạn rà soát, trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh: theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Tổ chức rà soát, phê duyệt và thực thi phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ trong tỉnh

a) Cơ quan chủ trì: các sở, ban, ngành tỉnh.

b) Cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

c) Thời hạn hoàn thành:

- Phê duyệt phương án:

+ Lần 1: Trước ngày 01/01/2024;

+ Lần 2: Trước ngày 01/01/2025.

- Thực thi phương án:

+ Lần 1: Trước ngày 01/7/2024;

+ Lần 2: Trước ngày 01/7/2025.

Thời hạn cụ thể xác định tại Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý của sở, ban, ngành tỉnh.

c) Sản phẩm:

- Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của các sở, ban, ngành tỉnh.

- Các văn bản thực thi phương án đơn giản hóa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền.

Nội dung chi tiết tại Mục II của Phụ lục 2 Kế hoạch này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nội dung nhiệm vụ được giao tại Quyết định ban hành kèm theo Kế hoạch này, tổ chức, triển khai quán triệt kịp thời đến cán bộ, công chức, viên chức nhiệm vụ, mục tiêu, yêu cầu của kế hoạch để thực hiện, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, hoàn thành đúng tiến độ đã đề ra.

- Phân công cán bộ, công chức kiểm soát TTHC tham gia tập huấn, tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ hoặc đột xuất trong các cuộc họp giao ban của lãnh đạo hoặc của cơ quan, đơn vị để chỉ đạo, xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ này tại cơ quan, đơn vị mình.

- Tổ chức thống kê công bố, rà soát cho từng TTHC thuộc lĩnh vực quản lý được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Kế hoạch này. Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các phương án đơn giản hóa TTHC cụ thể, thiết thực, đạt được mục tiêu đề ra (đảm bảo cắt giảm, kiến nghị đơn giản hóa tối thiểu 20% TTHC và 20% chi phí tuân thủ thủ tục theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

- Phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức rà soát TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước không thuộc lĩnh vực trọng tâm ưu tiên: theo hướng dẫn, yêu cầu của Văn phòng Chính phủ và các bộ ngành trung ương có liên quan.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao; khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.

3. Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị có liên quan đảm bảo kinh phí thực hiện của Kế hoạch này.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm

a) Tham gia các lớp tập huấn của Văn phòng Chính phủ tổ chức và hướng dẫn thống kê, rà soát, đánh giá TTHC cho các đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo phân công tại Kế hoạch này.

b) Thẩm định, kiểm tra, đánh giá chất lượng các biểu mẫu thống kê, rà soát, bảng tổng hợp; đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan bổ sung hoàn chỉnh các biểu mẫu, bảng tổng hợp (nếu chưa đạt yêu cầu).

c) Tổng hợp, nghiên cứu, phân tích kết quả rà soát; huy động sự tham gia của các chuyên gia tư vấn (trong trường hợp cần thiết); tổ chức cuộc họp, hội nghị, hội thảo để tham vấn các bên liên quan. Trong quá trình thực hiện thống kê, rà soát, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành tỉnh thực hiện đạt tiến độ Kế hoạch đề ra, kịp thời nắm bắt, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh có biện pháp xử lý những vấn đề khó khăn, vướng mắc từ các sở, ban, ngành tỉnh cũng như từ sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ để đảm bảo thực hiện đúng theo quy định.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các phòng ban, đơn vị trực thuộc, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp tốt với các sở, ban, ngành tỉnh trong thực hiện thống kê, rà soát, đánh giá các quy định, TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã.

6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ đưa nội dung thực hiện Kế hoạch này vào tiêu chí chấm điểm thi đua cải cách TTHC giai đoạn 2022 - 2025 và xem xét đề xuất khen thưởng các đơn vị.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Quá trình thực hiện, có những khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh*) xem xét, chỉ đạo./.

Phụ lục I**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRÊN CÁC
LĨNH VỰC TRỌNG TÂM ƯU TIÊN RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA**

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 10 /2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

STT	Lĩnh vực/nhóm quy định, TTHC	Trách nhiệm		Căn cứ pháp lý
		Chủ trì	Phối hợp	
I	Quản lý ngân sách nhà nước			
1	Dự phòng ngân sách nhà nước	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
2	Quỹ dự trữ tài chính			
II	Quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan dự trữ nhà nước			
1	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
2	Giao, thu hồi đất thuộc trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước	Sở Tài chính	Sở Tài nguyên và Môi trường và sở, ban, ngành tỉnh, cơ quan liên quan	
3	Thống kê, kiểm kê, đánh giá lại, báo cáo tài sản công tại cơ quan nhà nước	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	
III	Quản lý, sử dụng, khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai, tài nguyên			
1	Sử dụng giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao	Sở Tài chính	Sở Tài nguyên và Môi trường và sở, ban, ngành tỉnh, cơ quan liên	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

2	Khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng		quan	
IV	Quản lý đầu tư công			
1	Thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia; dự án quan trọng quốc gia; các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C; dự án đầu tư công tại nước ngoài; dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Luật Đầu tư công và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
2	Thẩm định, quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia; dự án quan trọng quốc gia; các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C; dự án đầu tư công tại nước ngoài; dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)			
3	Thẩm định, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án			
4	Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm			
5	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn			
6	Giám sát đầu tư của cộng đồng			
V	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài			
1	Phê duyệt đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Luật Đầu tư công và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
2	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng			

	vốn ODA, vốn vay ưu đãi			
3	Quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi			
4	Điều chỉnh chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi			
5	Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi			
6	Quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài			
7	Quyết định chủ trương thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ			
8	Thẩm định và quyết định phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại			
9	Điều chỉnh Quyết định chủ trương thực hiện và Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án			
VI	Tổ chức bộ máy			
1	Thành lập tổ chức hành chính	Sở Nội vụ	Cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Nghị định số 158/2018/NĐ-CP quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính
2	Tổ chức lại tổ chức hành chính			
3	Giải thể tổ chức hành chính			
4	Thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Nội vụ	Cơ quan, đơn vị, địa	Nghị định số 120/2020/NĐ-

5	Tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập		phương liên quan	CP quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập
6	Giải thể đơn vị sự nghiệp công lập			
VII Cán bộ, công chức, viên chức				
1	Chấm dứt tập sự và bổ nhiệm vào ngạch công chức	Sở Nội vụ	Cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
2	Bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức			
3	Điều động, biệt phái cán bộ, công chức, viên chức			
VIII Thi đua, khen thưởng				
1	Tặng danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua cơ sở, chiến sỹ thi đua cấp bộ, chiến sỹ thi đua toàn quốc cho cá nhân cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
2	Tặng kỷ niệm chương cho cán bộ, công chức, viên chức			
3	Tặng danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc, Cờ thi đua của Chính phủ			
4	Tặng Bằng khen (thủ trưởng cơ quan, Bộ trưởng, Thủ tướng Chính phủ...) cho cán bộ, công chức, viên chức			
5	Tặng Bằng khen (thủ trưởng cơ quan, Bộ trưởng, Thủ tướng Chính phủ...) cho tập thể			
6	Khen thưởng bậc cao (huân, huy chương các loại) cho cán bộ, công chức, viên chức và các cơ quan hành chính nhà			

	nước			
IX	Tổ chức chính quyền địa phương			
1	Phân loại đơn vị hành chính	Sở Nội vụ	Cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
2	Thành lập địa giới đơn vị hành chính			
3	Giải thể địa giới đơn vị hành chính			
4	Nhập địa giới đơn vị hành chính			
5	Chia địa giới đơn vị hành chính			
6	Điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính			
X	Quản lý đất đai			
1	Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất (cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, đất quốc phòng - an ninh)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Sở Tài chính và cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Luật Đất đai và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
2	Điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất			
XI	Quản lý, điều hành chính sách điện năng			
1	<p>Thủ tục điều chỉnh tăng giá bán lẻ điện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp tăng giá bán lẻ điện bình quân từ 5% đến dưới 10% so với giá điện bình quân hiện hành và trong khung giá quy định; - Trường hợp điều chỉnh tăng giá bán lẻ điện bình quân từ 10% trở lên so với giá điện bình quân hiện hành hoặc ngoài khung giá quy định hoặc ảnh hưởng đến tình hình kinh tế vĩ mô 	Sở Công Thương	Cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Luật Điện lực và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

2	Phê duyệt khung giá phát điện, khung giá bán buôn điện, giá truyền tải điện, giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, phí điều độ vận hành hệ thống điện và phí điều hành giao dịch thị trường điện lực			
XII Giao thông đường bộ				
1	Quyết định phân loại và điều chỉnh các hệ thống đường bộ: quốc lộ; đường tỉnh, đường đô thị; đường huyện, đường xã; đường chuyên dùng	Sở Giao thông vận tải	Cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Luật Giao thông đường bộ và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
2	Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia và tài sản hình thành từ dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư			
3	Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc trung ương quản lý không thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ			
4	Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc địa phương quản lý không thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ			
5	Phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ			
6	Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ			
7	Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ			

	tầng giao thông đường bộ			
8	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp tự nguyện trả lại tài sản			
9	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ			
10	Bán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ			
11	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ			
12	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại			

Phụ lục II

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 10 /2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Số TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm		Thời gian		Sản phẩm
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Bắt đầu	Hoàn thành	
I	Thông kê, công bố, công khai TTHC nội bộ					
1	Thông kê các TTHC nội bộ (giữa các sở, ban, ngành tỉnh thuộc UBND tỉnh; giữa các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong tỉnh)	Sở, ban, ngành tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan	Tháng 01/2023	Trước ngày 01/02/2023	Danh mục TTHC nội bộ
1.1	TTHC nội bộ giữa các sở, ban, ngành tỉnh thuộc UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan	Tháng 01/2023	Trước ngày 01/02/2023	Danh mục TTHC nội bộ
1.2	TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong tỉnh (TTHC giữa các sở, ban, ngành tỉnh với UBND cấp huyện và UBND cấp xã)	Sở, ban, ngành tỉnh	UBND cấp huyện	Tháng 01/2023	Trước ngày 01/02/2023	Danh mục TTHC nội bộ
2	Công bố TTHC nội bộ đã thống kê	UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh		Trước ngày 01/3/2023	Quyết định
2.1	Dự thảo, trình UBND tỉnh ban hành quyết định công bố	Sở, ban, ngành tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh liên quan; UBND cấp huyện		Trước ngày 15/02/2023	Dự thảo Quyết định
3	Cập nhật và công khai	Văn phòng		01/3/2023	Trước ngày	TTHC nội bộ

Số TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm		Thời gian		Sản phẩm
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Bắt đầu	Hoàn thành	
	TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC	UBND tỉnh			01/4/2023	trong tỉnh đã được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC
II	Tổ chức rà soát, phê duyệt và thực thi phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ			01/4/2023	Trước ngày 30/6/2025	
1	Lần 1:			01/4/2023	Trước ngày 30/6/2024	
1.1	Rà soát (theo mẫu): rà soát 50% TTHC nội bộ đã công bố	Sở, ban, ngành tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; UBND cấp huyện	01/4/2023	Trước ngày 30/6/2023	50% TTHC nội bộ đã công bố được rà soát và đơn giản hóa đạt tỷ lệ 20%
1.2	Phê duyệt phương án đơn giản hóa	UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh		Trước ngày 31/12/2023	Quyết định
1.2.1	Trình dự thảo quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh về phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý của mình hoặc của UBND tỉnh (bao gồm: tờ trình, bản dự	Sở, ban, ngành tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; UBND cấp huyện	01/7/2023	Trước ngày 14/10/2023	dự thảo Quyết định

Số TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm		Thời gian		Sản phẩm
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Bắt đầu	Hoàn thành	
	thảo và báo cáo kết quả rà soát)					
1.2.2	Thẩm định phương án, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu cần thiết), trình UBND tỉnh ký phê duyệt phương án.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh	15/10/2023	Trước ngày 20/12/2023	Công văn
1.3	Thực thi phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt			01/01/2024	Trước ngày 30/6/2024	Quyết định
1.3.1	Tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định để thực thi phương án (kèm đầy đủ hồ sơ có liên quan)	Sở, ban, ngành tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; UBND cấp huyện	01/01/2024	Trước ngày 31/5/2024	Tờ trình, dự thảo Quyết định
1.3.2	Kiểm tra dự thảo, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh	01/6/2024	Trước ngày 20/6/2024	dự thảo Quyết định
1.3.3	Ban hành quyết định/văn bản thực thi	UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	21/6/2024	Trước ngày 30/6/2024	Quyết định
2	Lần 2:			01/4/2024	Trước ngày 30/6/2025	
2.1	Rà soát (theo mẫu): rà soát 50% TTHC nội bộ đã công	Sở, ban, ngành tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh có liên	01/4/2024	Trước ngày 30/6/2024	50% TTHC nội bộ đã công bố

Số TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm		Thời gian		Sản phẩm
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Bắt đầu	Hoàn thành	
	bổ còn lại		quan; UBND cấp huyện			còn lại được rà soát và đơn giản hóa đạt tỷ lệ 20%
2.2	Phê duyệt phương án đơn giản hóa	UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh		Trước ngày 31/12/2024	Quyết định
2.2.1	Trình dự thảo quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh về phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý của mình hoặc của UBND tỉnh (bao gồm: tờ trình, bản dự thảo và báo cáo kết quả rà soát)	Sở, ban, ngành tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; UBND cấp huyện	01/7/2024	Trước ngày 30/9/2024	Tờ trình, dự thảo Quyết định
2.2.2	Thẩm định phương án, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu cần thiết), trình UBND tỉnh ký phê duyệt phương án.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh	01/10/2024	Trước ngày 20/12/2024	dự thảo Quyết định
2.3	Thực thi phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt			01/01/2025	Trước ngày 30/6/2025	Quyết định
2.3.1	Tham mưu UBND tỉnh ban	Sở, ban, ngành	Sở, ban, ngành	01/01/2025	Trước ngày	Tờ trình, dự thảo

Số TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm		Thời gian		Sản phẩm
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Bắt đầu	Hoàn thành	
	hành quyết định/văn bản để thực thi phương án (kèm đầy đủ hồ sơ có liên quan).	tỉnh	tỉnh có liên quan; UBND cấp huyện		31/5/2025	Quyết định
2.3.2	Kiểm tra dự thảo, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh	01/6/2025	Trước ngày 20/6/2025	dự thảo Quyết định
2.3.3	Ban hành Quyết định thực thi	UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	21/6/2025	Trước ngày 30/6/2025	Quyết định